

Bản án số: 06/2025/HS-PT

Ngày 19 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Vinh và ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tô Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với Trần Thị Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 12-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Thị Đ**, sinh năm 1967 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn P và bà Triệu Thị N (đều đã chết); có chồng thứ nhất Hoàng Minh T (đã ly hôn), chồng thứ hai Trần Quốc H (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990 và nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ: Ông Phạm Quốc H, Luật sư Công ty Luật TNHH HA và Cộng sự thuộc Đ Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường 23/3, Tổ 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Võ Thị B (có đơn xin xét xử vắng mặt) và ông Phạm Văn P (có mặt); địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7-2022, Võ Thị B được Ngô Thị Thúy V giới thiệu đến gặp Trần Thị Đ để vay tiền bằng hình thức vay trả góp theo ngày. Sau đó, B tự liên hệ, chủ động đưa ra mức lãi suất cao để tiếp tục vay tiền của Đ. Mỗi lần cho vay, Đ viết giấy vay tiền, đưa cho B và chồng là Phạm Văn P ký tên rồi đưa lại cho Đ cất giữ; thỏa thuận 10 ngày đóng lãi 01 lần, Đ sẽ tính toán, viết số tiền lãi của từng khoản vay ra 01 tờ giấy (*phoi*) rồi đưa cho B giữ để xác định số tiền lãi phải đóng, số tiền lãi đã đóng.

Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 8-2022 đến cuối tháng 12-2022, Trần Thị Đ nhiều lần cho Võ Thị B vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Ngày 02-8-2022, Đ cho B vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, đến ngày 19-9-2022, B đã trả cho Đ 39.000.000 đồng tiền lãi.

Từ ngày 19-9-2022, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; từ ngày 19-9-2022 đến ngày 28-9-2022 và từ ngày 07-10-2022 đến ngày 16-10-2022, B đã trả cho Đ tổng số 32.000.000 đồng tiền lãi.

Từ ngày 21-11-2022, lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 40.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 09-12-2022 đến ngày 18-12-2022.

2. Ngày 08-9-2022, Đ cho B vay số tiền 400.000.000 đồng, không xác định được lãi suất.

Từ ngày 19-9-2022, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; từ ngày 19-9-2022 đến ngày 28-9-2022 và từ ngày 07-10-2022 đến ngày 16-10-2022, B đã trả cho Đ tổng số 32.000.000 đồng tiền lãi.

Từ ngày 21-11-2022, lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 40.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 09-12-2022 đến ngày 18-12-2022.

3. Ngày 19-9-2022, Đ cho B vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; từ ngày 19-9-2022 đến ngày 28-9-2022 và từ ngày 07-10-2022 đến ngày 16-10-2022, B đã trả cho Đ tổng số 48.000.000 đồng tiền lãi.

Từ ngày 21-11-2022, lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 40.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 09-12-2022 đến ngày 18-12-2022.

4. Ngày 30-9-2022, Đ cho B vay số tiền 100.000.000 đồng, không xác định được lãi suất. Từ ngày 08-10-2022, lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 10.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 17-10-2022.

5. Ngày 03-10-2022, Đ cho B vay số tiền 800.000.000 đồng, không xác định được lãi suất, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 180567, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12-10-2021.

Từ ngày 12-10-2022, lãi suất là 8.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 64.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 30-10-2022 đến ngày 08-11-2022.

6. Ngày 08-10-2022, Đ cho B vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*không xác định được thông tin*), B đã trả cho Đ 60.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 17-10-2022.

7. Ngày 12-10-2022, Đ cho B vay số tiền 100.000.000 đồng, không xác định được lãi suất. Từ ngày 30-10-2022, lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 10.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 08-11-2022.

Từ ngày 05-12-2022, lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 20.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 14-12-2022 đến ngày 23-12-2022.

8. Ngày 13-10-2022, Đ cho B vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*không xác định được thông tin*); B đã trả cho Đ 50.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 31-10-2022 đến ngày 09-11-2022.

9. Ngày 16-10-2022, Đ cho B vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*không xác định được thông tin*). Từ ngày 09-12-2022, lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 30.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 18-12-2022.

10. Ngày 22-10-2022, Đ cho B vay số tiền 100.000.000 đồng, không xác định được lãi suất. Từ ngày 31-10-2022, lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 10.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 09-11-2022.

11. Ngày 25-10-2022, Đ cho B vay số tiền 100.000.000 đồng, không xác định được lãi suất. Từ ngày 21-11-2022, lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 20.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 09-12-2022 đến ngày 18-12-2022.

12. Ngày 30-10-2022, Đ cho B vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; từ ngày 30-10-2022 đến ngày 08-11-2022 và từ ngày 14-12-2022 đến ngày 23-12-2022, B đã trả cho Đ tổng số 100.000.000 đồng tiền lãi.

13. Ngày 10-11-2022, Đ cho B vay số tiền 400.000.000 đồng, không xác định được lãi suất. Từ ngày 28-11-2022, lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và từ ngày 07-12-2022, lãi suất là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01

ngày; B đã trả cho Đ 120.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 07-12-2022 đến ngày 16-12-2022.

14. Ngày 17-11-2022, Đ cho B vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 40.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 14-12-2022 đến ngày 23-12-2022.

15. Ngày 19-11-2022, Đ cho B vay số tiền 150.000.000 đồng, không xác định được lãi suất. Từ ngày 28-11-2022, lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; từ ngày 07-12-2022, lãi suất là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 45.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 07-12-2022 đến ngày 16-12-2022.

16. Ngày 21-11-2022, Đ cho B vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; từ ngày 09-12-2022, lãi suất là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 90.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 18-12-2022.

17. Ngày 26-11-2022, Đ cho B vay số tiền 400.000.000 đồng, không xác định được lãi suất. Từ ngày 05-12-2022, lãi suất là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 120.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 14-12-2022 đến ngày 23-12-2022.

18. Ngày 29-11-2022, Đ cho B vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 90.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 08-12-2022 đến ngày 17-12-2022.

19. Ngày 30-11-2022, Đ cho B vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*không xác định được thông tin*); B đã trả cho Đ 27.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 09-12-2022 đến ngày 18-12-2022.

20. Ngày 05-12-2022, Đ cho B vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 60.000.000 đồng tiền lãi từ ngày từ 14-12-2022 đến 23-12-2022.

21. Ngày 06-12-2022, Đ cho B vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 105.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 15-12-2023 đến ngày 24-12-2022.

22. Cùng ngày 06-12-2022, Đ cho B vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; B đã trả cho Đ 180.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 15-12-2023 đến ngày 24-12-2022.

23. Ngày 08-12-2022, Đ cho B vay số tiền 560.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 168.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 17-12-2022.

24. Ngày 13-12-2022, Đ cho B vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 180.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 22-12-2022.

25. Ngày 15-12-2022, Đ cho B vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, B đã trả cho Đ 150.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 24-12-2022.

Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 12-9-2024 của Toà án nhân dân huyện Đăk Glong đã quyết định: Tuyên bố Trần Thị Đ phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị Đ 01 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Các ngày 20-9 và 27-11-2024, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Trần Thị Đ thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong xử phạt bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ trình bày: Việc bị cáo phạm tội cũng như lời trình bày tại phiên tòa hạn chế, trong vụ án này phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng đã có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm tin. Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới đó là được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ tặng Giấy khen nên đề nghị áp dụng thêm điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cùng với các tình tiết giảm nhẹ ở Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

Bị cáo trình bày: Do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo phạm tội, bị cáo rất ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong khoảng thời gian từ ngày 02-8-2022 đến ngày 15-12-2022, Trần Thị Đ đã cho Võ Thị B vay 25 lần với tổng số tiền 9.060.000.000 đồng, lãi suất từ 4.000 đồng - 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (*tương đương với lãi suất từ 146% đến 1.095%/năm, cao gấp 7,3 - 54,75 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015*), thu lợi bất chính số tiền 1.946.866.100 đồng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 12-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã kết án Trần Thị Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của Trần Thị Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết khách quan của vụ án cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Bị cáo cho vay với số tiền lớn và nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội với mức tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên (23 lần) thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo, bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo, cũng như áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt tiền. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo thu lợi gấp nhiều lần mức khởi điểm quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự: “*2. Phạm tội thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên...*”, nên cần áp dụng một mức hình phạt thật tương xứng. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ tặng Giấy khen quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông và luận cứ đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa phù hợp một phần nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của Trần Thị Đ được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Đ, sửa Bản án sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 12-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong về điều luật áp dụng và hình phạt.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Trần Thị Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Glong;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk Glong;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến